TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27/4/2022
V/v: Không công nhận quan hệ là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải và ông Nguyễn Phỉ Đính

-***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2022, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2022 về việc "*Không công nhận quan hệ là vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Kim C, sinh năm 1977, có mặt

Địa chỉ: Đường Ng, tổ dân phố A, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1970, có mặt

Địa chỉ: Đường Ng, tổ dân phố A, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Kim C trình bày có nội dung:

Ông Võ Kim C và bà Trần Thị Th chung sống với nhau như vợ chồng tại xã T, huyện T, tỉnh Bình Định từ tháng 2 năm 1996, đến năm 1997 chúng tôi chuyển vào thị trấn B, huyện K (nay là phường A, thị xã B), tỉnh Đắk Lắk cư trú, sinh sống nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ tháng 2 năm 2020 đến nay ông và bà Th xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau vì nguyên cớ nhỏ nhặt, ông và bà Th đã sống ly thân và không còn tình cảm gì với nhau. Vì vậy ông yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông và bà Th là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà Th có 02 con chung là Võ Thị Tuyết Ng, sinh ngày 23/7/2000 và Võ Minh Tr, sinh ngày 02/4/2006. Cháu Ng đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu giải quyết và giao cháu Võ Minh Tr cho bà Th nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và bà Th tự thoả thuận chưa yêu cầu toà án giải quyết

Về tài sản: Tôi và bà Th tự thoả thuận chưa yêu cầu toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Th trình bày có nội dung: Bà đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn ông Võ Kim C. Bà và ông C chung sống với nhau như vợ chồng tại xã T, huyện T, tỉnh Bình Định từ tháng 2 năm 1996, đến năm 1997 chuyển vào thị trấn B, huyện K (nay là phường A, thị xã B), tỉnh Đắk Lắk cư trú, sinh sống nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ tháng 02 năm 2020 bà và ông C xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau thường xuyên, ông C đi nơi khác sinh sống, bà và ông C ly thân từ đó đến nay nên tình cảm không còn. Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông C là vợ chồng thì bà đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông C có 02 con chung là Võ Thị Tuyết Ng, sinh ngày 23/7/2000 và Võ Minh Tr, sinh ngày 02/4/2006. Cháu Ng đã đủ tuổi thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà đồng ý nuôi cháu Võ Minh Tr đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng: Bà chưa yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản: Bà và ông C tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận quan hệ giữa ông Võ Kim C và bà Trần Thị Th là vợ chồng; về con chung: Giao con chung là cháu Võ Minh Tr, sinh ngày 02/4/2006 cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên; Cháu Võ Thị Tuyết Ng, sinh ngày 23/7/2000 đã đủ tuổi thành niên nên không xem xét, giải quyết; Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản Ông Võ Kim C và bà Trần Thị Th chưa yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án*: Ngày 06/01/2022, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; ngày 14/01/2022 Tòa án thông báo sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, ngày 24/02/2022 nguyên đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện; cùng ngày Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày

25/02/2022 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí và nộp biên lai thu tạm ứng án phí; Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về không công nhận quan hệ là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét nhận thấy: Ông Võ Kim C và bà Trần Thị Th tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 2 năm 1996 tại xã T, huyện T, tỉnh Bình Định, đến năm 1997 chuyển vào thị trấn B, huyện K (nay là phường A, thị xã B), tỉnh Đắk Lắk cư trú, sinh sống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ tháng 02 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là hai người sống không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau vì những lý do nhỏ nhặt. Ông C và bà Th đã sống ly thân và xác định không còn tình cảm với nhau. Ủy ban nhân dân xã B và xã T, huyện T, tỉnh Bình Định cung cấp thông tin ông C và bà Th không đăng ký kết hôn tại địa phương, Toà án tiến hành xác minh tại ủy ban nhân dân phường A và phường A1 thị xã B từ năm 1997 đến nay thì giữa ông C và bà Th không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân giữa ông C và bà Th là không hợp pháp, không được Nhà nước thừa nhận. Việc ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa ông C và bà Th là vợ chồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn.

[3.2.1] Về con chung: Quá trình chung sống, ông C và bà Th có 02 người con chung là Võ Thị Tuyết Ng, sinh ngày 23/7/2000 và Võ Minh Tr, sinh ngày 02/4/2006. Cháu Ng đã đủ tuổi thành niên ông C và bà Th không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Bà Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tr cho đến khi đủ tuổi thành niên. Ông C đồng ý và cháu Tr có nguyện vọng ở với bà Th vì vậy việc giao cháu Tr cho bà Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo cho sự phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần của cháu Tr, phù hợp với khoản 2 Điều 17, Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản: Ông C và bà Th chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận quan hệ giữa ông C và bà Th là vợ chồng; giải quyết về con chung;

cấp dưỡng nuôi con, về tài sản là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Võ Kim C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Kim C.

1. ***Về quan hệ hôn nhân:*** Không công nhận quan hệ giữa ông Võ Kim C và bà Trần Thị Th là vợ chồng.

2. ***Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:***

2.1. Về con chung: Giao con chung là Võ Minh Tr, sinh ngày 02/4/2006 cho bà Trần Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Võ Kim C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản: Ông Võ Kim C và bà Trần Thị Th chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. ***Về án phí:*** Ông Võ Kim C phải chịu là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008512 ngày 25/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Ông Võ Kim C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. ***Về quyền kháng cáo:*** Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Anh